TAND HUYỆN S **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM - ST
Ngày: 21/ 7/ 2017
V/v*: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Bạn.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 01/2016/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/ 2017/QĐXX - ST ngày 05/ 7/2017 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Ngân hàng P
Địa chỉ: Số 2 đường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc A - Giám đốc P - Chi nhánh huyện S, tỉnh Thanh Hóa (theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ - HĐTV- PV ngày 19/6/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn M - Công ty Luật C.

***- Người bị kiện*:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại M.
Địa chỉ: Nhà ông Lê Bá C đội 3, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Đ - Giám đốc Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Bá C - sinh năm 1967.
2. Bà Lê Thị Đ - sinh năm 1976.
3. Ông Nguyễn Trần H - sinh năm 1991
4. Ông Lê Văn B - sinh năm 1939.
5. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1943.

6. Anh Lê Văn P - sinh năm 1973.

7. Ông Doãn Trọng V - sinh năm 1963.

8. Bà Lê Thị N - sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2016**,** tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/8/2014 Ngân hàng P - Chi nhánh huyện S, tỉnh Thanh Hóa (sau đây viết tắt là Ngân hàng P - Chi nhánh huyện S), đã ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại M (sau đây viết tắt là Công ty M) Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD với tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng). Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo các khế ước nhận nợ ngày 24/3/2015, 25/3/2015, 25/3/2015, 27/4/2015, 4/5/2015 và ngày 09/6/2015 với tổng số tiền là: 3.269.000.000đ. Mục đích vay vốn: chi phí vốn lưu động để buôn bán vật liệu xây dựng. Thời hạn hạn mức 12 tháng. Mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 04 tháng. Phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Lãi suất cho vay: Thực hiện cơ chế lãi suất cố định tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm. Để tạo điều kiện cho Công ty kinh doanh thuận lợi ngày 12/11/2014 Ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay cố định từ 8%/năm xuống 7%/năm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 201403042 ngày 12/ 11/ 2014. Lãi suất quá hạn = 150% so với lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm :

1 . Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 295, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số AB 982397 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Cvà bà Lê Thị Đ. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 275/2012 /HĐBĐ ký ngày 01/10/2012 và phụ lục hợp đồng số: 275/2012/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ. Diện tích đất: 170m^2, trong đó đất ở là 100m^2, đất CLN: 70m^2. Tài sản trên đất: nhà 3 tầng BTCT, diện tích sử dụng: 262m^2. Giá trị định giá tài sản: 1.220.500.000 đồng. Dư nợ gốc tối đa được đảm bảo là: 951.000.000 đồng.

2. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 2 tại thôn 3, xã T, huyện S, Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số BA 808408 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/02/2010 cho ông C và bà Lê Thị Đ. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ. Diện tích đất: 216m^2. Tài sản trên đất: nhà cấp 4, tường gạch, cột BTCT, vì kèo, lợp tôn diện tích sử dụng: 216m^2. Giá trị định giá tài sản: 993.600.000 đồng. Dư nợ gốc tối đa được đảm bảo là: 680.000.000 đồng.

3. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số AB705700 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/4/2009 cho ông Nguyễn Trần H. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 76/2012/HĐBĐ ký ngày 19/4/2012 và phụ lục hợp đồng số 76/ 2017/ HĐBĐ ngày 22/ 3/ 2017 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Nguyễn Trần H**.** Diện tích 224,4m^2 đất (trong đó: đất ở là 100m^2, đất CLN là 124,4m^2). Tài sản trên đất: nhà ở tổng diện tích xây dựng 70m^2 , diện tích sử dụng 120m^2 kết cấu nhà: Nhà cột, dầm, sàn bê tông cốt thép, 2 tầng. Giá trị định giá tài sản: 966.600.000 đồng. Dư nợ gốc tối đa được đảm bảo là: 360.000.000 đồng.

4. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 862, tờ bản đồ số 06 tại Đội 3 thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số E 0272124 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/3/1995 cho ông Doãn Trọng V. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 3517/25/156/2014 ký ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Doãn Trọng V và bà Lê Thị N. Diện tích đất: 264m^2 (trong đó đất ở là 200m^2, đất vườn thừa là 64m^2). Tài sản trên đất: 1 nhà 1 tầng, BTCT, diện tích sử dụng: 100,7m^2. Giá trị định giá tài sản: 854.950.000 đồng. Dư nợ gốc tối đa được đảm bảo là: 618.000.000 đồng.

5. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 127, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số AB 982387 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 289/2011/HĐBĐ ký ngày 14/12/2011 và phụ lục hợp đồng số: 289/2011/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T. Diện tích đất: 319m^2. Tài sản trên đất: 1 nhà cấp 4 để ở, xây tường gạch diện tích 60m^2, 1 nhà cấp 4 làm quán, xây tường gạch diện tích sử dụng 60m^2. Giá trị định giá tài sản: 698.000.000 đồng. Dư nợ gốc tối đa được đảm bảo là: 459.700.000 đồng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án. Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp tài sản số: 27/2011/HĐBĐ ký ngày 21/3/2011 đó là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 295, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S theo giấy chứng nhận số AB 706377 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25/7/2008 cho ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H. Do Nguyễn Văn V con ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có mặt tại địa phương, khi nào Nguyễn Văn V có mặt ở địa phương thì ngân hàng P sẽ khởi kiện sau.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã cam kết. Việc vi phạm thời hạn thanh toán đã dẫn đến khoản vay của Công ty M đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/7/ 2015.

Tính đến ngày 21/7/2017 Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là:3.969.851.032đ. Trong đó: Nợ gốc:3.269.000.000đnợ lãi trong hạn: 30.899.165đ và lãi quá hạn: 669.951.867đ.

Vì vậy Ngân hàng P đề nghị Tòa án nhân dân huyện S giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH thương mại M phải trả cho Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S số tiền:

Nợ gốc:	3.269. 000.000đ
Nợ lãi cộng dồn (Lãi trong hạn và lãi quá hạn):	700. 851.032đ
Tổng cộng:	3.969. 851.032đ.

- Nếu Công ty M không trả được nợ, đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản thế chấp đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

***** Tại bản tự khai ngày 19/5/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Đ đại diện cho bị đơn Công ty TNHH thương mại M trình bầy:

Ngày13/ 8/2014 Công ty TNHH M đã ký Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD với Ngân hàng P- chi nhánh huyện S. Với tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng), Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo các khế ước nhận nợ ngày 24/3/2015; 25/3/2015; 25/3/2015; 27/4/2015; 4/5/ 2015 và ngày 09/6/2015 với tổng số tiền là: 3.269.000.000đ. Mục đích vay vốn: Chi phí vốn lưu động để buôn bán vật liệu xây dựng. Thời hạn hạn mức 12 tháng. Mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 04 tháng. Phương thức trả nợ gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Lãi suất cho vay: Thực hiện cơ chế lãi suất cố định tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm. Để tạo điều kiện cho Công ty kinh doanh thuận lợi ngày 12/11/2014 Ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay cố định từ 8%/năm xuống 7%/năm theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 201403042 ngày 12/11/2014. Lãi suất quá hạn = 150% so với lãi suất trong hạn.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng P- chi nhánh huyện S và Công ty M như ý kiến của Ngân hàng là đúng.

Trong qúa trình thực hiện hợp đồng do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Công ty M không thanh toán được cho Ngân hàng P- chi nhánh huyện S dẫn đến khoản vay của Công ty đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/ 07/ 2015. Số tiền gốc Công ty M còn nợ Ngân hàng P- chi nhánh huyện S là 3.269.000.000đ, của hợp đồng tín dụng theo như Ngân hàng tính là đúng.

Sở dĩ Công ty M chậm thanh toán là do thời gian qua Công ty gặp nhiều khó khăn, thu hồi công nợ chưa được dẫn đến việc trả nợ không đúng cam kết. Công ty đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty ra hạn để có thời gian trả nợ dần. Thời gian trả nợ chia làm nhiều lần, mỗi lần công ty sẽ trả là 300.000.000đ, một quý Công ty sẽ trả một lần cho đến khi hết nợ và Công ty chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền lãi, lãi trong hạn, lãi quá hạn cho đến khi trả hết nợ.

Nếu không trả được thì Công ty yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong bản tự khai ngày 19/5/2016 của bà Lê Thị Đ, bản tự khai ngày 27/5/2016 của ông C và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ và ông C trình bầy: Ngày 01/10/2012 vợ cH ông, bà ký hợp đồng thế chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 295, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số AB 982397 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông C và bà Lê Thị Đ thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 275/2012/HĐBĐ ký ngày 01/10/2012 và phụ lục hợp đồng số: 275/2012/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ.

Ngày 25/ 01/ 2013 ông, bà ký hợp đồng thế chấp Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 2 tại thôn 3, xã T, huyện S, Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số BA 808408 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/02/2010 cho ông C và bà Lê Thị Đ. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ HĐTD giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với Công ty M là đúng.

Việc vợ cH ông, bà thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho Công ty M vay tiền Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Nay do kinh tế gặp nhiều khó khăn Công ty không thu được nợ nên dẫn đến việc thanh toán cho Ngân hàng không đúng như cam kết và Ngân hàng đã khởi kiện. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty trả nợ dần thời gian trả nợ chia làm nhiều lần, mỗi lần công ty sẽ trả là 300.000.000đ, mỗi quý Công ty sẽ trả một lần cho đến khi trả hết nợ.

* Trong bản tự khai ngày 17/5/2016 của ông Lê Văn B và bản tự khai ngày 17/5/2016 của bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bầy: Việc vợ cH ông, bà ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 127, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số AB 982387 do UBND huyện S - tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 289/2011/HĐBĐ ký ngày 14/12/2011 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T cho Công ty M vay vốn Ngân hàng là đúng như Ngân hàng đã trình bày. Hợp đồng thế chấp vợ cH ông, bà ký là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Ông B và bà T khẳng định toàn bộ tài sản gồm nhà và đất là tài sản riêng của ông, bà. Anh P con ông, bà không có đóng góp gì vào khối tài sản của ông, bà. Nay Công ty không thanh toán được nợ, Ngân hàng khởi kiện. Đề nghị công ty M sớm trả nợ cho Ngân hàng để cho ông, bà lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tròng các bản tự khai ngày 30/5/2016 của ông Doãn Trọng V và ngày 30/6/2016 của bà Lê Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 21/11/2014 vợ cH ông, bà có ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sở hữu

nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số số 862, tờ bản đồ số 06 tại thôn T, xã T, huyện S theo giấy chứng nhận số E 0270124 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/3/1995 Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 3517/25/156/2014 ký ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Doãn Trọng V và bà Lê Thị N cho Công ty M vay vốn Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay Công ty không trả được nợ và Ngân hàng đã khởi kiện, đề nghị Công ty M trả nợ cho Ngân hàng để ông, bà lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho vợ cH ông, bà sử dụng. Đồng thời đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty trả nợ dần.

- Trong bản tự khai ngày 23/11/2016; bản tự khai bổ sung ngày 10/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trần H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 19/4/2012 và ngày 22/ 3/ 2017 anh có ký hợp đồng thế chấp tài sản và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 02 tại T, xã T, huyện S theo giấy chứng nhận số AB 705700 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/4/2009 cho ông Nguyễn Trần H. Hợp đồng số 76/2012/ HĐBĐ và phụ lục hợp đồng số 76/ 2017/ HĐBĐ. Việc ký Hợp đồng và phụ lục hợp đồng giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với anh Nguyễn Trần H. Hai hợp đồng này anh đồng ý để thế chấp cho Ngân hàng cho khoản tiền vay của Công Ty M vay vốn Ngân hàng như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay Công ty không trả được nợ và Ngân hàng đã khởi kiện, đề nghị Công ty M trả nợ cho Ngân hàng để anh lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để anh sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn trình bầy: Đề nghị Tòa án buộc Công ty M phải trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc: 3.269.000.000đ, Lãi tính đến ngày 21/7/2017 là 700.851.032đ (lãi trong hạn 30.899.165đ, lãi quá hạn 669.951.867đ) và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng Tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Trường hợp Công ty M không trả được nợ Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan chức năng kê biên phát mại tài sản thế chấp để trừ nợ cho khoản vay trên theo thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp.

1. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 295, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 982397 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Cvà bà Lê Thị Đ.

2. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 2 tại thôn 3, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 808408 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/02/2010 cho ông C và bà Lê Thị Đ.

3. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 02 tại Đội 3 T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số AB 705700 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/4/2009 cho ông Nguyễn Trần H.

4. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 862, tờ bản đồ số 06 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số E 0272124 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/3/1995 cho ông Doãn Trọng V.

5. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 127, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 982387 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 471; 474; 476; khoản 1 Điều 319; Điều 342; 343; 344; 355 của BLDS 2005; Điều 688 của BLDS năm 2015; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng No&PTNT Việt Nam. Đó là hợp đồng thế chấp tài sản số: 27/2011/HĐBĐ ký ngày 21/3/2011 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H.

Buộc Công ty TNHH thương mại M phải trả cho Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD ký ngày13/8/2014 tính đến ngày 21/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền gốc là 3.269.000.000đ; lãi trong hạn là 30.899.165đ lãi quá hạn: 669.951.867đ. Tổng cả gốc + lãi là 3.969. 851.032đ (ba tỷ chín trăm sáu chín triệu tám trăm năm mười mốt nghìn không trăm ba hai đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD và phụ lục hợp đồng tín dụng số 201403042.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Mục 3 phần I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Công ty M phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 111. 397.000đ. Ngân hàng P không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51. 000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về thủ tục tố tụng*:**

[1.1] Ngày 09/6/2017 Tòa án nhân dân huyện S ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn là Công ty M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Triệu tập Công ty và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng 7 giờ 30 phút ngày 27/6/2017 có mặt tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện S để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ngày 27/6/2017 Công ty M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 05/7/2017 Tòa án tiếp tục ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho Công ty và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đúng 7h30 phút ngày 21/ 7/2017 Công ty M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có mặt tại phiên tòa. Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD ngày13/ 8/2014 được ký giữa Ngân hàng P- chi nhánh huyện S và bị đơn Công ty M với mục đích sử dụng tiền vay để kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận. Vì vậy khi xảy ra vi phạm thuộc tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS 2015, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Trong vụ án này khi các bên ký hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên căn cứ vào điều 688 của BLDS năm 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết là phù hợp với qui định của pháp luật.

[2]Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042HĐTD Ngày 13/ 8/2014 và các khế ước nhận nợ được các bên ký kết theo quy định của pháp luật. Nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M còn nợ Ngân hàng P- chi nhánh huyện S tính đến ngày 21/7/2017 là 3.969. 851.032đ. Về phía Ngân hàng xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh là đã thực hiện rất nhiều biện pháp yêu cầu trả nợ theo như thỏa thuận nhưng đến nay Công ty M không thực hiện. Như vậy Công ty M đã vi phạm Điều 6 của hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD ngày 13/8/2014.

Nay Ngân hàng P yêu cầu Công ty M phải trả khoản tiền vay còn nợ cho đến ngày 21/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) gồm: số tiền gốc là 3.269.000.000đ, lãi trong hạn là 30.899.165đ, lãi quá hạn 669.951.867đ. Tổng cả gốc + lãi là 3.969. 851.032đ. Xét thấy đây là yêu cầu thực tế và phù hợp với thỏa thuận đã ký giữa các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 319; 342; 343; 344; 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng, cần được chấp nhận buộc Công ty M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền vay trên.

[3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng số 3517. LAV201403042/HĐTD Ngày 13/ 8/2014, các bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 275/2012/HĐBĐ ký ngày 01/10/2012 và phụ lục hợp đồng số: 275/2012/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ**;** hợp đồng thế chấp tài sản số 19/2013/HĐBĐ ký ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ; hợp đồng thế chấp tài sản số 76/2012/HĐBĐ ký ngày 19/4/2012 và Phụ lục hợp đồng số 76/ 2017/ HĐBĐ ngày 22/ 3/ 2017 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Nguyễn Trần H**;** hợp đồng thế chấp tài sản số 3517/25/156/2014 ký ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Doãn Trọng V và bà Lê Thị N và hợp đồng thế chấp tài sản số 289/2011/HĐBĐ ký ngày 14/12/2011 và phụ lục hợp đồng số: 289/2011/HĐBĐ ngày 24/ 07/ 2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Nội dung, hình thức của các hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng là do các bên tự nguyện ký với Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn..). Vì vậy yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S là có căn cứ được chấp nhận.

Ngày 20/ 12/ 2016 Ngân hàng P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đó là hợp đồng thế chấp tài sản số: 27/2011/HĐBĐ ký ngày 21/3/2011 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này do Nguyễn Văn V con ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H không có mặt ở địa phương. Vì vậy dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng Pbằng vụ kiện khác khi nào Nguyễn Văn V có mặt ở địa phương.

[4] ***Về án phí sơ thẩm***: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 3.969. 851.032đ. được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại điểm b khoản 1; khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, Mục 3 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại theo quy định là 111. 397.000đ (một trăm mười một triệu ba trăm chín bảy ngàn) (làm tròn số).

Ngân hàng P không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; 273; 278 và 280 BLTTDS 2015

Căn cứ vào Điều 471; 474; 476; khoản 1 Điều 319; Điều 342; 343; 344; 355 của BLDS 2005; Điều 688 của BLDS năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 5; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Mục 3 phần I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của P.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đó là hợp đồng thế chấp tài sản số: 27/2011/HĐBĐ ký ngày 21/3/2011 giữa P - Chi nhánh huyện S, tỉnh Thanh Hoá với ông Nguyễn Văn L và bà Thiều Thị H.

Buộc Công ty TNHH thương mại M phải trả cho P - Chi nhánh huyện S, tỉnh Thanh Hoá khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD ký ngày 13/8/2014 tính đến ngày 21/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền gốc là 3.269.000.000đ; lãi trong hạn là 30.899.165đ, lãi quá hạn là 669.951.867đ. Tổng cả gốc + lãi là 3.969. 851.032đ (Ba tỷ chín trăm sáu chín triệu tám trăm năm mười mốt nghìn không trăm ba hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH thương mại M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3517.LAV201403042/HĐTD và phụ lục hợp đồng tín dụng số 201403042.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty TNHH thương mại M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản để thu hồi nợ gồm:

1. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 295, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 982397 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cấp cho ông C và bà Lê Thị Đ. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 275/2012 /HĐBĐ ký ngày 01/10/2012và phụ lục hợp đồng số: 275/2012/HĐBĐ ký ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ.

2. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 260, tờ bản đồ số 2 tại thôn 3, xã T, huyện S, Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 808408 do UBND huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/02/2010 cấp cho ông C và bà Lê Thị Đ. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 25/1/2013 và phụ lục hợp đồng số: 19/2013/HĐBĐ ký ngày 24/7/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông C và bà Lê Thị Đ.

3. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 02 tại T, xã T, huyện Đông, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 705700 do UBND huyện S - tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/4/2009 cho ông Nguyễn Trần H. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 76/2012/HĐBĐ ký

ngày 19/4/2012 và phụ lục hợp đồng số 76/ 2017/ HĐBĐ ngày 22/ 3/ 2017 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Nguyễn Trần H**.**

4. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 862, tờ bản đồ số 06 tại Đội 3 T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số E 0272124 do UBND huyện S - tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/3/1995 cấp cho ông Doãn Trọng V. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 3517/25/156/2014 ký ngày 21/11/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Doãn Trọng V và bà Lê Thị N.

5. Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 127, tờ bản đồ số 02 tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 982387 do UBND huyện S - tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/9/2007 cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 289/2011/HĐBĐ ký ngày 14/12/2011 và phụ lục hợp đồng số: 289/2011/HĐBĐ ngày 24/07/2014 giữa Ngân hàng P- Chi nhánh huyện S với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Về án phí sơ thẩm**:** Công ty TNHH thương mại M phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 111. 397.000đ (một trăm mười một triệu ba trăm chín bảy nghìn đồng) (làm tròn số).

Ngân hàng P được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp là 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/ 2011/ 02316 ngày 05/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Thanh Húa;
- VKSND H S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thoan